

Số: 27/4/GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày ...29... tháng ..9... năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần du lịch sinh thái Thanh Vân tại Văn bản số 18/CV-TV ngày 12 tháng 9 năm 2022 về việc phê duyệt báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu du lịch sinh thái Thanh Vân” tại xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ..3.6.5./TTr-STNMT-CCBVMT ngày ..2.1.. tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần du lịch sinh thái Thanh Vân, địa chỉ tại xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Khu du lịch sinh thái Thanh Vân với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Khu du lịch sinh thái Thanh Vân.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 4200694874, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 01 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 4200694874.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khu du lịch sinh thái

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Quy mô của cơ sở: cơ sở có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích 39,5 ha, trong đó gồm 26,5 ha mặt đất và 13 ha mặt biển bao gồm các hạng mục công trình:

+ Khu nhà nghỉ dưỡng: gồm 82 căn villa được bố trí ven biển, ven đồi thuộc khu A, khu B và khu C;

+ Khu dịch vụ: gồm nhà điều hành, nhà đón tiếp, nhà hàng, Nhà hội nghị, khu Spa, hồ bơi và các hạng mục phụ trợ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần du lịch sinh thái Thanh Vân được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Du lịch sinh thái Thanh Vân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Ninh Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; số 963/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 1081/QĐ-UBND

ngày 28 tháng 4 năm 2011 của UBND tỉnh; Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh về việc cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận (VBĐT):

- Công ty Cổ phần du lịch sinh thái Thanh Vân;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Ninh Vân;
- Công Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP +T.L.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 2314.../GPMT-UBND ngày 29 tháng 9....
năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động lưu trú ăn ở của khách du lịch.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vực nấu ăn, phục vụ căn tin (nhà bếp)

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: nước biển ven bờ tại khu vực cơ sở.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°): X (m): 1.368.406; Y (m): 609.997

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn qua đồng hồ đo lưu lượng được bơm theo đường ống HDPE-DN50 xả ra biển.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24h/ngày đêm).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	
5	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
6	Nitrat (Tính theo N)	mg/l	50	ngày 10 tháng 01 năm 2022.
7	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	(MPN/100ml)	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của 33 căn villa được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (mỗi căn villa bố trí 01 bể tự hoại 03 ngăn riêng biệt), trong đó 14 căn villa thu gom về giếng D1, 19 căn villa thu gom về giếng D2. Sau đó, nước thải từ Giếng D1 và D2 được bơm về Khu xử lý nước thải tiền sơ bộ tại khu A và sau đó dẫn về Khu xử lý nước thải tập trung tại khu C của cơ sở.

+ Nước thải từ nhà nghỉ nhân viên thu gom về giếng D3, sau đó được bơm về Khu xử lý nước thải tập trung tại khu C của cơ sở.

+ Nước thải từ hoạt động nấu ăn, phục vụ căn tin (nhà bếp)... được xử lý sơ bộ tách rác và loại bỏ dầu mỡ bố trí ngay tại nhà bếp trước khi theo hệ thống thu gom nước thải đưa về Khu xử lý nước thải tiền sơ bộ tại khu A và sau đó dẫn về Khu xử lý nước thải tập trung tại khu C của cơ sở.

+ Hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy và bơm chuyển bậc lên vị trí có cốt cao độ đảm bảo khả năng tự chảy của hệ thống. Các tuyến ống thu gom được đặt dọc theo các trục đường giao thông và gần các công trình để thu gom nước thải. Đường ống thu gom sử dụng HDPE, uPVC, kích thước ống từ D60 – D114.

+ Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn qua đồng hồ đo lưu lượng được bơm theo đường ống HDPE-DN50 xả ra biển.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình xử lý nước thải:

+ Số lượng: 01 công trình gồm 02 Khu (Khu xử lý nước thải tiền sơ bộ - Khu A và Khu xử lý nước thải tập trung - Khu C).

+ Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm.

+ Quy trình công nghệ:

Nước thải nhà bếp → Song chắn rác → Tách dầu sơ bộ → Bể gom → Cụm bể tách dầu, lắng cặn → Bể điều hòa (Khu A)

Nước thải sinh hoạt từ các căn villa → Bể tự hoại 03 ngăn → Bể gom → Bể điều hòa (Khu A)

Nước thải sinh hoạt từ nhà nghỉ nhân viên → Bể tự hoại 03 ngăn → Bể gom → Tank modul SBR hợp khối (Khu C)

Bể điều hòa (Nước thải sau khi xử lý tiền sơ bộ ở Khu A) → Tank modul SBR hợp khối (Khu C) (bể sinh học SBR trình tự theo 5 công đoạn sau: bơm làm đầy, phản ứng, lắng, xả nước và chờ) → Hệ thống lọc kết hợp khử trùng → Nguồn tiếp nhận (Nước biển ven bờ). Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1) và được bơm trực tiếp ra nguồn tiếp nhận là nước biển ven bờ.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: hóa chất khử trùng 15kg/tháng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian, vận hành thử nghiệm: 03 tháng (bắt đầu từ tháng 9/2022 và kết thúc vào tháng 12/2022).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại phần A Phụ lục này): tại vị trí đường ống HDPE-DN50 xả ra biển.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Mục A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm với tần suất 15 ngày/01 lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh với tần suất 01 ngày/01 lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Chủ cơ sở lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

3.6. Lập hồ sơ xin cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm
 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh: Dầu nhiên liệu thải (17 06 01), Dầu động cơ, hộp số và dầu bôi trơn tổng hợp thải (17 02 03), Bóng đèn huỳnh quang thải (16 01 06), Cặn sơn chống gỉ thải (08 01 11), Pin ắc quy thải (16 01 12), Hộp mực in thải (08 02 04), Bao bì chứa thuốc bảo vệ thực vật (14 01 15). Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (18 02 01). Khối lượng phát sinh <1.000 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 160 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 3m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Có mái che, có thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa rác có nắp đậy dán nhãn riêng biệt tại các căn Villa (màu vàng chất thải hữu cơ và màu xanh chất vô cơ có thể tái sử dụng), khu vực công cộng (thùng màu xanh) và khu nhà phục vụ công nhân.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Các thùng chứa rác lớn bằng nhựa cứng có nắp đậy đặt tại khu vực lưu chứa rác.

Chất thải sinh hoạt sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG: Không.